

Số: 156/BC-VP

Ninh Thuận, ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, Thực hiện Văn bản số 5609/KH-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2024; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã ban hành Kế hoạch Tổ chức thực hiện kê khai tài sản thu nhập năm 2024 theo quy định (Văn bản số 41/KH-VP ngày 13/12/2024).

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024 như sau:

#### 1. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền:

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LIỆU
I	<b>Kết quả kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2024 (Số liệu kê khai tính trong thời kỳ từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024. Số liệu công khai tính trong thời kỳ từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 và không bao gồm kết quả công khai các bản kê khai của các năm trước và sau năm 2024)</b>		
1	Số người đã kê khai TSTN lần đầu	Người	
2	Số người đã kê khai TSTN hằng năm	Người	14
3	Số người đã kê khai TSTN bổ sung	Người	02
4	Số người đã kê khai TSTN phục vụ công tác cán bộ	Người	13
5	Tổng số người đã được công khai bản KKTS	Người	16
5.1	Số người đã công khai bản KKTS bằng hình thức niêm yết	Người	17

5.2	Số bản kê khai công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp	Người	
5.3	Số bản kê khai tài sản, thu nhập đã được bàn giao cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập (Thanh tra tỉnh)	Bản KK	3
5.4	Số bản kê khai tài sản, thu nhập đã được bàn giao cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập (Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy và huyện ủy)	Bản KK	13
<b>II</b>	<b>Kết quả xác minh tài sản, thu nhập năm 2024 (số liệu tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)</b>		
6	Tổng số người đã tiến hành xác minh trong kỳ. Trong đó:	Người	
6.1	Số người được xác minh ngẫu nhiên theo kế hoạch của năm 2023	Người	
6.2	Số người được xác minh thuộc trường hợp khác	Người	
7	Số người đã ban hành kết luận xác minh	Người	
7.1	Số người chưa ban hành kết luận xác minh	Người	
8	Tổng số người đã có kết luận là không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập hoặc không trung thực trong việc giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm hoặc có hành vi vi phạm trong việc kê khai tài sản, thu nhập trong đó có ít nhất 01 hành vi không trung thực nêu trên.	Người	
9	Số người có kết luận về những vi phạm, sai sót khác như kê khai sai mẫu, chưa đảm bảo theo hướng dẫn, không đầy đủ thông tin, thiếu chính xác về số liệu, thông tin kê khai, chậm thời hạn quy định... (nhưng không bị kết luận là không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập hoặc không trung thực trong việc giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm)	Người	
<b>III</b>	<b>Kết quả xử lý vi phạm trong công tác kê khai tài sản, thu nhập</b>		
10	Số người bị xử lý do không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập và giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm	Người	

10.1	Xóa tên khỏi danh sách những người ứng cử	Người	
10.2	Không được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử vào chức vụ đã dự kiến	Người	
10.3	Kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo	Người	
10.4	Kỷ luật bằng hình thức hạ bậc lương	Người	
10.5	Kỷ luật bằng hình thức giáng chức	Người	
10.6	Kỷ luật bằng hình thức cách chức	Người	
10.7	Kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm	Người	
11	Số người bị xử lý kỷ luật do có những vi phạm khác trong công tác kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	

## 2. Đánh giá chung

Trong thời gian qua, các quy định của pháp luật đã tạo hành lang pháp lý cho hoạt động kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn. Thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập của công chức, viên chức theo quy định.

## 3. Kiến nghị, đề xuất:

Những vấn đề, nội dung cần quy định chi tiết, hướng dẫn vụ thể hoặc sửa đổi, bổ sung:

Cần làm rõ bản kê khai thu nhập hàng năm tại mục 7 tổng các giá trị tài sản đứng tên 50 triệu đồng hay giá trị tài sản trên 50 triệu đồng.

Hướng dẫn kê khai; quản lý tuân thủ kê khai; kiểm tra, xác minh nội dung; quản lý truy cập thông tin kê khai; phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc đảm bảo kê khai,...góp phần thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh./.

### Nơi nhận:

- UBKTTU;
- Thanh tra tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo chuyên trách các Ban HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng HC-TC-QT;
- Lưu: VT, KT.

**KT.CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Trương Minh Vũ**

**DANH SÁCH CÁC ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN KÊ KHAI, CÔNG KHAI  
TÀI SẢN THU NHẬP NĂM 2024**

*(Kèm theo Báo cáo số 156/BC-VP, ngày 31 /12/2024 của Văn Phòng Đoàn ĐBQH  
và HĐND tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Số bản kê khai TSTN đã nộp</b>	<b>Hình thức Kê khai tài sản</b>
<b>I</b>	<b>Văn phòng</b>		<b>16</b>	
1	Trần Minh Lực	UVTV tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND	1	Hàng năm
2	Đàng Thị Mỹ Hương	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng Đoàn ĐBQH	1	Hàng năm
3	Pi Năng Thị Hồn	Trưởng Ban Dân Tộc	1	Hàng năm
4	Đặng Ngọc Minh Quang	Phó Chánh văn phòng phụ trách	1	Hàng năm
5	Tô Ngọc Phương	Phó Ban Pháp chế	1	Hàng năm
6	Lê Kim hiệp	Phó Ban Pháp chế	1	Hàng năm
7	Nguyễn Thanh Hải	Phó Ban Kinh tế - Ngân sách	1	Hàng năm
8	Lê Công Bình	Phó Ban Kinh tế - Ngân sách	1	Hàng năm
9	Trần Đỗ Oanh	Phó ban VH - XH	1	Hàng năm
10	Nguyễn Phạm Bảo Ngọc	Phó ban VH - XH	1	Hàng năm
11	La Thoại Như Trang	Phó Ban Dân Tộc	1	Hàng năm
12	Nguyễn Chế quốc Tuấn	Phó Chánh văn phòng	1	Hàng năm
13	Trương Minh Vũ	Phó Chánh văn phòng	1	Hàng năm
14	Châu Nguyễn Thanh Hiền	Trưởng phòng HC – TC - QT	1	Hàng năm
15	Nguyễn Thị Thúy Sương	Phó phòng CTQH	1	Bổ sung
16	Nguyễn Cửu Thị Tuyết Nga	Chuyên viên	1	Bổ sung

